

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2022

*V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Thor.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L– sinh năm 1976

Nơi cư trú: Tổ xy, khu z, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng N.

Bị đơn: Ông Nguyễn Giang N – sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn Vũ Đ, xã Thụy X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Bà Liên, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đề ngày 12/7/2022, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày và có yêu cầu như sau:*

Năm 1994 bà và ông Nguyễn Giang N sinh năm 1973, nơi cư trú thôn Vũ Đ, xã Thụy X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tìm hiểu và chung sống với nhau như

vợ chồng, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Bà không nhớ rõ thời điểm đó bà và ông N có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy X hay không. Sau khi làm lễ cưới, bà chung sống với ông N tại gia đình nhà bố mẹ đẻ ông N tại thôn Vũ Đ, xã Thụy X. Quá trình chung sống, bà và ông N có với nhau 01 người con chung là cháu Nguyễn Đài L, sinh ngày 28/12/1996 và được Ủy ban nhân dân xã Thụy N đăng ký khai sinh ghi tên mẹ đẻ là bà Phạm Thị L, bố đẻ là ông Nguyễn Giang N.

Quá trình chung sống bà và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, khoảng năm 1998 bà đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai bên không quan tâm chăm sóc nhau, không liên lạc với nhau từ đó cho đến nay. Bà làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Giang N là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Giang N có 01 người con chung là Nguyễn Đài L, sinh ngày 28/02/1996. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Nguyễn Giang N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 02/8/2022, đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Giang N trình bày:

Ông và bà Phạm Thị L có thời gian tìm hiểu vào năm 1994, 1995, sau đó hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Ông nhớ thời điểm đó ông và bà Liên có đến UBND xã Thụy N làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng ông không rõ vì sao chưa được đăng ký vào sổ đăng ký kết hôn của UBND xã Thụy X. Quá trình chung sống ông và bà Liên có với nhau 01 người con chung là cháu Nguyễn Đài L, sinh ngày 28/02/1996 và được bố đẻ ông đi làm thủ tục khai sinh cho cháu Nguyễn Đài L, trong giấy khai sinh ghi tên bố đẻ là ông và mẹ đẻ là bà Phạm Thị Liên.

Quá trình chung sống giữa ông và bà L có mâu thuẫn, khoảng cuối năm 1997 bà L đã tự ý đưa con chung đi nơi khác sinh sống, hai bên không liên lạc với nhau từ đó cho đến nay. Bà L làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà L là vợ chồng, ông đồng ý và không có ý kiến gì.

Về con chung: Ông và bà Phạm Thị L có 01 người con chung là Nguyễn Đài L, sinh ngày 28/02/1996, hiện tại đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Giang N trình bày ông và bà L không có nợ chung, không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N; về con chung: Bà Liên và ông N có 01 người con chung là Nguyễn Đài L, sinh ngày 28/02/1996 hiện đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết; Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản, nên không đặt ra giải quyết. Bà Liên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Lyêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Giang N – bị đơn có nơi cư trú tại xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Liên, ông N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N có thời gian chung với nhau như vợ chồng và có với nhau 01 người con chung. Tuy nhiên bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N không có căn cứ nào chứng minh ông bà đã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2022, Ủy ban nhân dân xã Thụy X xác nhận bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N có thời gian chung sống với nhau tại địa phương và có với nhau 01 người con chung như các bên trình bày. Tuy nhiên quá rà soát các sổ đăng ký kết hôn hiện còn lưu trữ tại địa phương không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Giang N và bà Phạm Thị L. Hiện tại ông Nguyễn Giang N và bà Phạm Thị L không chung sống cùng nhau. Như vậy, có căn cứ xác định: bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N tự nguyện chung sống với nhau từ trước năm 1996, có với nhau 01 người con chung nhưng không đăng ký kết hôn nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Thực tế bà Liên và ông N không chung sống với nhau từ năm 1998 cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà Phạm Thị L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Giang N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N đều xác định ông bà có 01 con chung là Nguyễn Đài L, sinh ngày 28/12/1996, hiện đã trưởng thành, có công việc ổn định nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N đều xác định ông bà không có nợ chung, không có tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, **Điều 28**, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N có 01 con chung là Nguyễn Đài L, sinh ngày 28/12/1996, hiện đã trưởng thành, có công việc ổn định nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ bà Liên đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004249 ngày 20/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Giang N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy (Nơi ĐKKTT);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà